

SO SÁNH HAI DỊ BẢN TUỒNG *LÂM SANH XUÂN NƯƠNG****Nguyễn Thị Huyền Trang***

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: trangnguyen.hsht@gmail.com

(Ngày nhận bài: 29/3/2023, ngày nhận bài chỉnh sửa: 15/5/2023, ngày duyệt đăng: 25/5/2023)

TÓM TẮT

Hiện nay, có nhiều dị bản tuồng lấy cảm hứng từ tích truyện thơ “Lâm Sanh Xuân Nương” như bản tuồng Nôm “Lâm Sanh Xuân Nương” ở Nam Bộ, bản của Tống Phước Phổ ở Bình Định và bản của Nguyễn Văn Chiểu ở Huế. Mỗi dị bản đều mang đến cho người đọc, người xem những điểm đặc trưng, thú vị riêng. Bài viết này là những so sánh của tác giả về kết cấu, bố cục các lớp, các hồi, cách mở đầu, kết thúc; cách xây dựng nhân vật chính, nhân vật phản diện; cách kết hợp giữa lối hát và lối nói cùng với những giá trị nội dung giữa hai dị bản tuồng “Lâm Sanh Xuân Nương” ở Nam Bộ và ở Huế. Để từ đó người đọc, người xem có thể thấy được những điểm thú vị riêng, chung về nghệ thuật cũng như nội dung của hai văn bản, giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về những dị bản tuồng “Lâm Sanh Xuân Nương”.

Từ khóa: *Lâm Sanh Xuân Nương, Lâm Sanh, Xuân Nương, tuồng Nam Bộ, tuồng Huế*

1. Đặt vấn đề

Lâm Sanh Xuân Nương là tích truyện hay, là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều soạn giả tuồng. Bởi vậy, trong kho tàng kịch bản tuồng Nam Bộ nói riêng và kịch bản tuồng Việt Nam nói chung có nhiều dị bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* khác nhau. Mỗi dị bản đều mang lại những giá trị nội dung hấp dẫn, sâu sắc, đầy tính nhân văn và những giá trị nghệ thuật đặc trưng. Song các dị bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* chưa có vị trí xứng đáng, chưa nhận được sự quan tâm chú ý trong lịch sử nghiên cứu văn học nước nhà. Việc có cùng tên gọi đôi khi gây nên sự nhầm lẫn về nguồn gốc, hoặc khiến cho độc giả bối rối khi tiếp cận các văn bản. Vì vậy, nghiên cứu so sánh về các dị bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* là một việc nên làm trong công cuộc giữ gìn, bảo tồn những nét đẹp văn hóa đang dần dần bị mai một. Tuy nhiên, trong phạm vi của bài nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung so sánh hai dị bản là tuồng Nôm *Lâm Sanh Xuân Nương* ở

Nam Bộ và bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* do Nguyễn Văn Em sưu tầm, ở Huế.

Bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* của Nam Bộ được giới thiệu trên *An Hà nhật báo* năm 1914, đề tên là Huỳnh Văn Ngà (Trà Vinh) soạn. Năm 2007, Trần Xuân Hanh (Cà Mau) và Nguyễn Văn Sâm đã phiên âm, giới thiệu bản gốc chữ Nôm của vở tuồng này ở Viện Việt học California (Hoa Kỳ). Nguyễn Văn Sâm cho rằng vở tuồng đã xuất hiện vào thế kỷ XIX, là một vở tuồng tiêu biểu của Nam Kỳ Lục tỉnh vì trong tác phẩm có sử dụng nhiều ngôn ngữ đặc trưng của vùng. Nguyễn Văn Sâm khi giới thiệu cuốn này cũng có nhận định: “So bản này với bản của Huỳnh Văn Ngà thì thấy không khác là bao nhiêu do đó tôi đến kết luận là ông Huỳnh Văn Ngà cũng như ông Trần Xuân Hanh đều phiên âm có sửa chữa chút đỉnh từ bản Nôm. Chúng tôi không có đủ các số báo của *An Hà* để tái lập lại bản của ông Huỳnh Văn Ngà nên chỉ dung bản của

Trần Xuân Hanh mà thôi” (Sâm, 2007, tr. 2). Còn bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* ở Huế, do Nguyễn Văn Chiểu sáng tác. Đây là bản được in trong cuốn *Tuồng dân gian Thừa Thiên Huế*, do Tôn Thất Bình sưu tầm, giới thiệu, in tại Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011. Ngày 30 tháng 10 năm 1989, La Châu, nghệ nhân tuồng Huế đã cung cấp văn bản này cho Tôn Thất Bình. Sau khi so sánh hai bản tuồng này, chúng tôi thấy giữa hai vở tuồng có nhiều điểm khác biệt thú vị.

2. Sự khác biệt giữa bản *Lâm Sanh Xuân Nương* nguyên tác chữ Nôm (Nam Bộ) và bản Quốc ngữ của ông Nguyễn Văn Chiểu (Huế)

Về kết cấu, có nhiều điểm khác giữa hai văn bản. Vở tuồng Nôm Nam Bộ có 81 trang, ba hồi. Còn vở tuồng của Nguyễn Văn Chiểu được in từ trang 528 đến trang 574 (46 trang), gồm có hai màn và 12 cảnh, trong đó có nhiều cảnh được tác giả triển khai với những tình tiết và nội dung hoàn toàn khác nhau. Ví dụ, trong cảnh một và hai, bản tuồng Nam Bộ đề cập đến tâm trạng đau lòng, buồn phiền của Lâm Sanh và Xuân Nương trước tình cảnh vợ chồng bị chia cắt, nhằm khai thác những nỗi bất hạnh mà nàng Xuân Nương phải chịu đựng như cảnh xa lìa chồng, tủi nhục một mình, gần chồng mà không được gặp chồng, phải hầu hạ, chăm sóc người mẹ chồng cay nghiệt, bị mẹ chồng chửi bới, đánh đập. Còn bản tuồng ở Huế từ cảnh một đến cảnh ba nói về tình cảm và quá trình Lâm Sanh hỏi cưới Xuân Nương, từ đó người đọc thấy được tình cảm của Lâm Sanh dành cho Xuân Nương, những lời dặn dò của vợ chồng ông Tiêu nói với con gái trước ngày nàng về nhà

chồng và những lời hẹn ước của Lâm Sanh, Xuân Nương.

Không chỉ có nhiều điểm khác biệt trong những cảnh mở đầu mà sự khác biệt còn được thể hiện ở đoạn kết của hai văn bản. Trong bản tuồng Nôm đoạn kết diễn ra dài hơn, với nhiều sự kiện hơn, phản ánh tư duy Nhân – Quả, triết lý sống của các truyện cổ tích. Đó là nhân vật xấu xa luôn bị trời trừng phạt. Mặc dù Lâm mẫu không bị vua khép tội nhưng cuối cùng với những tội ác đã làm đối với Xuân Nương, mù đã bị sét đánh chết. Vở tuồng Nôm cũng kết thúc theo công thức của các truyện cổ tích, đó là nhân vật tốt bụng được kết hôn với công chúa và trở thành vua, sống hạnh phúc mãi mãi. Trái lại, vở tuồng của Nguyễn Quang Chiểu được kết thúc ngắn gọn, các nhân vật sống hạnh phúc với nhau, Lâm mẫu không bị trừng phạt.

Về bố cục, cả hai văn bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* đều có bố cục theo kiểu: gặp gỡ - tai biến - đoàn viên. Mở đầu tác phẩm kể về cuộc gặp gỡ của hai vợ chồng Lâm Sanh và Xuân Nương, sau đó là chuỗi những biến cố, sự kiện xảy ra liên tiếp. Trong bản tuồng Nôm ở Nam Bộ, *Hồi một vở Lâm Sanh Xuân Nương*, có tất cả bốn lớp. Lớp một nói lên nỗi buồn của chàng Lâm bị mẹ ngăn cách không cho gặp vợ. Lớp hai là cảnh hai vợ chồng gặp nhau, bị Lâm mẫu sai gia đình đánh đập. Lớp ba là cảnh mẹ Xuân Nương đến thấy con gầy nên quở trách Lâm mẫu. Lớp bốn là cảnh Lâm mẫu đánh Xuân Nương vì tội để mẹ quở trách mình. Như vậy, trong vở tuồng này, các lớp diễn ra liên tiếp theo kiểu lớp trước là nguyên nhân để tiếp tục cho lớp sau phát triển lên. Những mâu thuẫn trong từng lớp của loại tuồng này không được

giải quyết ngay mà phải tiếp diễn ở lớp khác. Kết thúc mâu thuẫn hay sự kiện cũng là kết thúc tác phẩm. Tương tự, vở tuồng của Nguyễn Quang Chiêu ở Huế để cho nội dung của các lớp có sự liên kết với nhau một cách chặt chẽ. Ví dụ, trong *Hồi một* bản này có các lớp như sau: Lớp một, Lâm Sanh xin mẹ đến ở chỗ gần trường để tiện việc học hành. Lớp hai là cảnh Lâm Sanh trên đường đi ghé vào nhà ông Tiều xin miếng nước, gặp gỡ Xuân Nương. Lớp ba là cảnh Lâm Sanh về xin mẹ hỏi cưới Xuân Nương và lớp bốn là cảnh bà mai qua nhà vợ chồng ông Triều xin hỏi cưới Xuân Nương cho Lâm Sanh. Trong khi đó, vì tính chất tiếp diễn giữa các lớp, các hồi nên loại tuồng như *Lâm Sanh Xuân Nương* thường có ít nhân vật trung tâm và các nhân vật trung tâm thường xuất hiện ở toàn bộ các hồi, các lớp. Đặc biệt, vấn đề của chuyện được kết thúc cũng là khi kết thúc tác phẩm.

Ngoài ra, cách xây dựng tính cách, hành động của các nhân vật chính trong hai tác phẩm cũng hoàn toàn khác nhau. Trong bản tuồng *Nôm Nam Bộ*, Xuân Nương là một cô gái đoan trang, có hiếu, ngày ngày buồn thương ngóng trông cha mẹ già ở phương xa không có người chăm sóc: “Vọng nam lang khói tỏa hây hây”, “Nhìn lãnh bắc mây bay mù mịt hà”. Đối với mẹ chồng thì nàng hết lòng hiếu kính: “Cháo cơm trà nước kính mẹ hiền”, học theo đạo thánh hiền: “Thời trong sách có nói rằng nữ tử hữu hạnh”; “Thôi thời chung viễn phụ mẫu, lại có câu khuê môn bất xuất, túc dạ vô di” (Phận người con gái đi lấy chồng chỉ biết giang san nhà chồng, xa lìa cha mẹ ruột. Sớm tối ở nhà, không đi ra ngoài). Mặc cho mẹ chồng nàng ngăn cản, tìm cách

chia cắt vợ chồng nàng, đánh đập nàng dã man nhưng Xuân Nương chưa một lần trách móc mẹ, nàng còn phân tích cho Lâm Sanh biết “Mẫu tử thiết tình thâm; Đạo vợ chồng sao cho bằng đạo mẹ con” (Hanh & Sâm, 2007, tr.13). Đến khi nàng bị mẹ chồng đánh đập, thân thể tàn tạ, gầy khô nhưng vẫn nhất mực không ra gặp mẹ ruột để tố cáo như nhiều nàng dâu vẫn làm, nàng không muốn mẹ phải suy nghĩ, phải đau lòng khi nhìn thấy hoàn cảnh của mình. Nhìn chung, nàng Xuân Nương trong bản tuồng *Nôm* là một người con gái đoan trang, nhẫn nhịn, chịu đựng, không than phiền nửa lời về người mẹ chồng độc ác. Trong bản tuồng của Nguyễn Quang Chiêu vẫn là hình ảnh một nàng Xuân Nương lễ phép, chăm chỉ nhưng tác giả vẫn để cho nàng thốt lên những câu oán giận, trách móc như “dầu lao khổ nghiêng răng đành chịu”, “thắt lưng buộc bụng phải nghe mẹ già” hay “trời cao có biết bà gia mẹ chồng” (Bình, 2011, tr. 542). Ngoài ra, trong tác phẩm còn có những đoạn nàng than phiền về mẹ chồng với thằng Tý hay Lâm Sanh.

Đối với nhân vật Lâm Sanh, trong vở tuồng *Nôm Nam Bộ*, được tác giả xây dựng thành một nhân vật có hiếu nhưng hơi nhu nhược. Tuy biết mẹ sai khi giết người vợ yêu quý nhưng chàng vẫn làm tròn đạo của một người con, lo lắng cho mẹ, nhớ công ơn mẹ đã một tay nuôi mình khôn lớn: “Phụ phụ nãi cang thường nghĩa trọng đó chúc”, nhưng “Mẫu tử vi cốt nhục tình thâm” (Hanh & Sâm, 2007, tr.60) (đạo vợ chồng là nghĩa lớn của cương thường nhưng tình mẫu tử là tình thâm xương thịt) mà nhận mọi tội lỗi thay cho bà. Chàng sẵn sàng “xin cho tôi thế mạng cho mẹ tôi một phen” (Hanh

& Sâm, 2007, tr.60). Lâm Sanh chấp nhận mạo hiểm, chấp nhận bị mất mạng để cướp pháp trường cứu mẹ. Tình cảm của chàng đã làm thay đổi trái tim vốn dĩ độc ác, tham lam, lạnh lùng của người mẹ. Khác với chàng Lâm Sanh Nam Bộ, chàng Lâm Sanh trong bản tuồng ở Huế mạnh mẽ hơn, biết nhìn nhận đúng sai để bảo vệ vợ của mình. Ví dụ, khi thấy vợ bị mẹ đuổi ra ở ngoài chuồng bò chàng đã lên tiếng trách móc mẹ “Sao mừng mền mẹ chẳng cho nằm”, rồi chàng “Rũ chần đấp lại cho vợ mình” (Bình, 2011, tr. 545) hay khi thấy mẹ sai Xuân Nương làm việc nhà, chàng liền phản đối “chán chi thầy tớ coi trong ngõ ngoài mà mẹ sai dâu làm việc, những việc không đáng làm” (Bình, 2011, tr. 546).

Bên cạnh đó, cách thể hiện tình yêu của các nhân vật chính dành cho nhau trong hai vở tuồng cũng có những điểm riêng. Trong bản tuồng Nôm Nam Bộ, Xuân Nương và Lâm Sanh lấy nhau đã ba năm nhưng “Đêm năm canh dựa màn bướm chực phòng không”, “ngày sáu khắc luống tin ong ngơ mùi lạnh” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 7), bởi tình yêu của họ bị bà mẹ chồng độc ác chia cắt. Lâm mẫu vì muốn con phải đỗ đạt thành tài nên cấm Xuân Nương và Lâm Sanh gặp nhau, để chàng chuyên tâm việc học. Một lần, trong lúc đi dạo hai vợ chồng gặp nhau, tâm sự đạo vợ chồng, bị Lâm mẫu bắt gặp. Xuân Nương bị mẹ chồng chửi mắng, sai gia đình đánh đập, lột hết nữ trang mặc cho Lâm Sanh ngăn cản, van xin, thậm chí nhận tội thay. Chưa dừng lại ở đó, khi mẹ Xuân Nương đến thăm con, thấy con tiêu tụy, có ý trách móc thông gia. Điều này làm cho mẹ chồng nàng tức giận, để xả cơn giận, bà liền sai gia đình đánh Xuân Nương đến

chết. Nhằm làm cho Lâm Sanh bớt đau buồn, bà tìm cách cho chàng kết duyên cùng con gái quan Thừa tướng nhưng bị chàng từ chối. Buồn đau trước cái chết của vợ, chàng xin phép mẹ đi ngao du sơn thủy. Tấm chân tình của Lâm Sanh dành cho vợ không chỉ dừng lại ở đây mà sau khi chàng đánh thắng quân giặc, được nhà vua gả công chúa cho nhưng một lần nữa vì tình yêu với Xuân Nương chàng đã từ chối, vì “Trước kết duyên Xuân thị Châu Trần (Châu Trần tên một thôn [nay thuộc huyện Phong, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc], chỉ có hai họ Châu, Trần đời đời làm thông gia với nhau. Trong văn học cổ, Châu Trần dùng để nói việc kết hôn xứng đôi đẹp lứa), “Vi cai mẫu hiền thê tử hĩ” (vì người mẹ ấy nên vợ hiền đã chết rồi), nghĩa là chàng đã kết hôn nhưng vì mẹ mình mà người vợ hiền đã mất nên giờ chàng nguyện sống vậy để giữ vẹn tình với người vợ xấu số của mình. Tác giả của vở tuồng lại tiếp tục thử thách sự chung tình của chàng một lần nữa khi để cho chàng trên đường trở về thăm quê đã gặp lại cha mẹ Xuân Nương và nàng Xuân Nương đã được Thổ thần tái sinh. Xuân lão giả vờ nói với chàng Xuân Nương là Liễu Hoa, em gái của Xuân Nương. Nay vì vợ của chàng đã mất nên ông đưa em gái đến để thay thế. Những tưởng chàng sẽ đồng ý, song Lâm Sanh nhất định không đồng ý dù ông lão đưa “Vàng bạc cho phần rẻ mấy vò, Ngọc ngà lại phần con mấy tráp” (Hanh & Nguyễn Văn Sâm, 2007, tr. 79). Rồi ông rời bước để Liễu Hoa ở lại nhưng Lâm Sanh vẫn tiếp tục từ chối, chàng nói với Liễu Hoa: “Hiền muội, Hiền muội sao còn ở, Chẳng về với song thân. Như ta là: Vốn là người quân tử chi nhân, Đâu có phải cuồng phu chi loại.

Như vợ qua nó vô phước nó thác rồi thì thôi, Dầu chẳng đặng sánh đôi kim cái, Là bởi nơi con tạo khiến vay. Hiền muội ôi là, Tại trời xui bậu đứt chơn tay, Bởi đất khiến qua phân chồng vợ nữa thì thôi đừng làm vậy mà không nên” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 80). Kết cục, Xuân Nương phải nói sự thật, Liễu Hoa chính là Xuân Nương đã được Thổ thần tái sinh. Trải qua muôn vàn khổ ải, ly biệt, thử thách, cám dỗ nhưng cuối cùng chàng Lâm và vợ cũng vượt qua, đoàn tụ. Tình yêu của chàng và nàng là câu chuyện tình yêu hiếm gặp trong các vở tuồng. Bản tuồng ở Huế cũng xây dựng khá thành công về câu chuyện tình yêu giữa hai nhân vật chính Lâm Sanh, Xuân Nương nhưng mọi diễn biến, hành động của nhân vật lại hoàn toàn khác với bản tuồng ở Nam Bộ. Như chúng tôi đã đề cập ở trên, mở đầu vở tuồng này là hình ảnh nhân vật Lâm Sanh gặp gỡ và đem lòng yêu mến rồi xin mẹ đi cưới Xuân Nương cho mình. Sau đó, Xuân Nương bị mẹ chồng hành hạ, nhờ thằng Tý cứu, đem đi trốn. Khi Lâm Sanh vinh quy bái tổ (Bình, 2011, tr. 572), ghé nhà cha mẹ vợ để thắp hương cho vợ, khóc lóc, nguyện thề “chung thủy, trọn đời không quên” (Bình, 2011, tr. 572). Thấy tình cảm của Lâm Sanh dành cho mình như vậy, Xuân Nương bèn lộ diện, nói dối mình là Xuân Lang, em vợ của Xuân Nương, muốn “chị thời có chết xin bù cô em” (Bình, 2011, tr. 573) nhưng Lâm Sanh từ chối “quyết giữ lời thề, nguyện bốn chữ quả cô nhứt thề” (Bình, 2011, tr. 573). Cuối cùng, Xuân Nương phải nói ra sự thật. Như vậy, trong bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* ở Nam Bộ, tác giả để cho nhân vật trải qua nhiều thử thách hơn như để nhân vật Lâm Sanh gặp con gái

thừa tướng, công chúa, Liễu Hoa và cả việc chàng được nhận nhiều vàng bạc để cưới Liễu Hoa, song chàng vẫn nhất mực từ chối. Còn trong bản tuồng ở Huế, tác giả vở tuồng cũng để cho nhân vật của mình trải qua những thử thách nhưng ít hơn và được miêu tả ngắn gọn hơn.

Điểm hay trong hai tác phẩm còn thể hiện trong cách hành động, sử dụng ngôn từ của những nhân vật phản diện. Trong vở tuồng Nôm ở Nam Bộ, để phê phán sự suy đồi đạo đức của con người trong xã hội, tác giả tuồng đã xây dựng thành công hình tượng những viên quan phụ mẫu coi trọng đồng tiền như Khuyết Minh, Vương Thế Trung hay người mẹ chồng độc ác Lâm Mẫu. Khuyết Minh là một viên quan khi thấy cha Xuân Nương tố cáo Lâm mẫu tội hành hạ con gái mình, liền yêu cầu nạn nhân phải “trả tiền công sở” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 47). Khi hấn phát hiện Lâm mẫu là người quen của hấn, hấn liền óm lời cho kẻ giết người biết cách “tùy nghi chế biến” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 48). Khi nhận hối lộ “vàng mười thoi”, “bạc trăm nén” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 56), hấn lại ung dung nói với kẻ giết người “thưa chị có em đây, chẳng can chi mà phòng sợ. Chử binh quý thần tốc” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 48). Thay vì xét xử công bằng, viên quan ấy lại khuyên Xuân lão nên bỏ qua để đỡ gây phiền hà, tổn tiền tổn bạc. Bên cạnh, những tên quan coi trọng đồng tiền, tuồng cổ xã hội còn hiện lên với hình ảnh những người phụ nữ độc ác xấu xa. Người mẹ chồng trong *Lâm Sanh Xuân Nương*, là một người phụ nữ độc ác, máu lạnh. Con trai và con dâu cưới nhau được ba năm nhưng bà không cho họ gặp mặt, chỉ vì muốn con trai của mình phải chuyên tâm học hành, đỗ đạt

công danh. Một lần, hai vợ chồng Lâm Sanh gặp nhau, bà sai gia đình đánh đập, chửi mắng, lột hết vòng vàng với những lời lẽ chua ngoa: “Vòng vàng chuỗi hồ trả cho tôi”, “Kiềng bạc trâm rung giao cho mẹ” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 11); hay là “Che cốt hài lấy khổ mà bọc xương; Đặng mà, đón trai gái đầu đường mà lãng mỡ; Một ra khỏi nhà tôi, hai ra cho khỏi nhà tôi” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 11). Ấy vậy mà, khi mẹ Xuân Nương đến thăm, bà giở giọng điệu yêu quý con dâu, nào là “vào phòng đi nhẹ nhẹ chun vậy, coi cậu mầy với mợ mầy ngủ đã dậy chưa, nói có bà trên nhà xuống thăm vậy” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 19), nào là “tôi có một thằng con, có một con dâu, tôi cưng nó như vàng” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 20). Khi bị mẹ Xuân Nương trách móc, bà giở giọng, đổ lỗi cho Xuân Nương, chê con trai bà là “traai đại chồng ma” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 21), còn Xuân Nương là “gái khôn vợ quý” (Hanh & Sâm, 2007, tr. 21). Mẹ của Xuân Nương vừa dứt áo ra về, mẹ sai gia đình đánh đập Xuân Nương đến chết, vừa đánh chết con dâu xong chẳng những không ân hận mà mẹ còn tính kế cưới con gái Thừa tướng cho con. Còn những kẻ xấu xa trong vở của Nguyễn Văn Chiểu là người mẹ chồng độc ác Lâm thị và nhân vật Ông phủ. Cũng như nhân vật người mẹ chồng trong bản tuồng Nôm ở Nam Bộ, Lâm thị trong bản này cũng là một người phụ nữ đanh đá, độc ác. Sau khi giết hại con dâu, mẹ không những không lo lắng mà còn “không lo” vì đã có “kim ngân phá luật lệ”, “tiền bạc đi trước, mực thước đi sau” (Bình, 2011, tr. 559). Còn nhân vật Ông phủ, không được xây dựng là người quen như trong bản kia, nhưng cũng là một kẻ tham lam,

bên ngoài miệng thì nói “tội này là tội chết, sát nhân giá tử” (Bình, 2011, tr. 560) nhưng lại ghé tai thì thầm với Lâm thị “Chùng đó nỏ thắm chi – thôi đưa ta cất – kéo có người vô” (Bình, 2011, tr. 560), khi vợ chồng ông Triều đến kiện, hẳn khuyên vợ chồng ông nên hòa hoãn, bỏ qua cho kẻ đã giết con gái của mình.

Sự khác biệt cuối cùng giữa hai bản tuồng chúng tôi muốn đề cập được thể hiện trong việc kết hợp hài hòa giữa lời nói và lời hát, đặc biệt là cách sử dụng các lối *hát nam*, *hát khách*. Trong vở tuồng Nôm ở Nam Bộ, ngoài phần giáo đầu, vở tuồng có tám đoạn *than* hay *thán*, thể hiện nỗi lòng của nhân vật như nỗi buồn sớm phải chia lìa chồng, chịu nỗi đau nuôi con một mình của nhân vật Lâm mầu; nỗi đau phải sống xa con của nhân vật Xuân lão và nỗi đau phải sống cảnh chia lìa của vợ chồng Lâm Sanh, Xuân Nương. Tiếp đến là gần tám mươi đoạn hát *văn*, thường được viết theo thể lục bát hoặc lục bát biến thể, là những lời dặn dò, khuyên răn, thể hiện tâm trạng của các nhân vật trong các cuộc chia lìa; tâm trạng cô đơn lạc lõng trên các chuyến hành trình đơn độc của Lâm Sanh, Xuân Nương. Xen lẫn giữa lời nói và lời hát là những câu *tán*, là cách để nhân vật dùng những đoạn cao trào thể hiện cảm xúc. Tuy nhiên, trong tác phẩm này vai trò của những câu *tán* không lớn và trong tác phẩm này cũng không có những đoạn *hát khách* hay các điệu hát thường thấy ở các tác phẩm tuồng khác. Điệu hát chủ yếu trong tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* vẫn là điệu hát *văn* hay còn gọi là *hát nam*. Trong bản của Nguyễn Quang Chiểu, tác giả sử dụng khá đa dạng các lối nói và điệu hát. Tác giả sử dụng nhiều câu *hát nam*, là những đoạn lục bát, hay lục thất

để thể hiện lòng thương mẹ của chàng Lâm Sanh và thể hiện nỗi đau của chàng Lâm Sanh trước cái chết của Xuân Nương, thể hiện sự oán hờn của Xuân Nương trước sự cay nghiệt của người mẹ chồng giành cho mình, đặc biệt là tình cảm của Lâm Sanh và Xuân Nương giành cho nhau và những điều *nam ai* thể hiện nỗi lòng của Xuân Nương khi sống xa cha mẹ. Ngoài ra, tác phẩm còn có các đoạn *hát nam dựng*, *hát nam xuân* và *nam bằng*. Điểm đặc biệt chính là tác giả sử dụng rất nhiều đoạn *hường*, một lối nói ít gặp ở các bản tuồng Nôm ở Nam Bộ, dùng để nói sự tình hay kể chuyện.

Mặc dù có nhiều điểm khác nhưng giữa hai dị bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương* đều không có sự phân chia hệ thống nhân vật thành hai tuyến trung - nịnh như các vở tuồng cổ lịch sử. Trong hai bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương*, được xây dựng theo hệ chính – phản diện, cụ thể nhân vật chính ở đây là những vị quan, trung thần, nghĩa sĩ, những chàng trai, cô gái sống có tình, có nghĩa trong xã hội. Trái lại, hệ thống nhân vật phản diện chính là những quan lại, phú hộ giàu có, những người đàn bà độc ác dã tâm, những nhà sư lừa lọc có tâm địa xấu xa. Giữa hai tuyến nhân vật này không có sự tranh đấu một mất một còn như trong các vở tuồng lịch sử. Nhân vật trung tâm của các vở này chủ yếu là những người tốt trong xã hội, nổi bật là Lâm Sanh và Xuân Nương. Mọi vấn đề nảy sinh trong tác phẩm chủ yếu xoay quanh hai nhân vật chính để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp, lòng chung thủy của họ. Vở tuồng không có sự đối đầu giữa hai tuyến trung - nịnh, không có phe cánh,

không có tranh giành xâu xé quyền lực, không có sự đui mắt, trốn chạy mà là những mâu thuẫn xung đột giữa các tầng lớp trong xã hội, cụ thể hơn là xung đột giữa bà mẹ chồng giàu có với nàng dâu nghèo khổ, hiền lành. Dạng xung đột này cũng có thể gọi là xung đột giữa những người thống trị giàu có với những tầng lớp nghèo khổ trong xã hội.

3. Kết luận

Thông qua những đặc điểm thú vị về mặt kết cấu, cách xây dựng nhân vật, hệ thống nhân vật, các lối hát và lối nói của hai văn bản tuồng *Lâm Sanh Xuân Nương*, chúng ta thấy rằng hai văn bản đều ca ngợi lòng hiếu thảo, đề cao tình yêu chung thủy và mang đến những bài học về đạo đức làm người, hướng con người đến các giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. Tuy nhiên, giữa hai bản tuồng có nhiều điểm khác biệt, thể hiện phong cách riêng của từng tác giả. Chúng tôi tin rằng giới thiệu, nghiên cứu việc so sánh các dị bản tuồng là một cách giúp bạn đọc, khán giả những người yêu mến tuồng có thêm tư liệu hay về văn học tuồng nói riêng và sân khấu tuồng nói chung, hiểu được những nét riêng của từng tác phẩm. Đặc biệt, trong thời đại ngày nay, khi các loại hình giải trí khác đang lên ngôi, tuồng - một nét đẹp văn hoá truyền thống đang dần bị mất đi vị trí của nó và đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Vì vậy, qua bài nghiên cứu, chúng tôi mong muốn giới thiệu các dị bản tuồng hay, góp một phần nhỏ công sức trong việc bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp mà ông cha ta để lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bình, T. T. (2006). *Tuồng Huế*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Trẻ.

- Bình, T. T. (sưu tầm, giới thiệu) (2011). *Tuồng dân gian Thừa Thiên Huế*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.
- Chuong, H. (1998). *Tổng Phước Phổ cây đại thụ Tuồng*. Hà Nội: Nxb Sân khấu.
- Hanh, T. X. (phiên âm) & Sâm, N. V. (giới thiệu, chú giải) (2007). *Lam Sanh Xuan Nuong*. Hoa Kỳ: Viện Việt học California.
- Ký, H. C. (sưu tầm và giới thiệu) (1978). *Tuồng cổ*. Hà Nội: Nxb Văn hóa.
- Ký, H. C., Yên, X. & Tân, B. D. (chủ biên) (1994). *Tổng tập Văn học Việt Nam* (tập 15a). Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

**COMPARISONS BETWEEN TWO VARIANTS OF TUONG
LAM SANH XUAN NUONG**

Nguyen Thi Huyen Trang

University of Social Sciences and Humanities – VNUHCM

Email: trangnguyen.hsht@gmail.com

(Received: 29/3/2023, Revised: 15/5/2023, Accepted for publication: 25/5/2023)

ABSTRACT

Currently, there are many variants of tuong inspired by the story of “Lam Sanh Xuan Nuong” such as the version of “Lam Sanh Xuan Nuong” in the South of Vietnam, the version of Tong Phuoc Pho in Binh Dinh Province and the version of Nguyen Van Chieu in Hue. Each variant brings its own unique and interesting features to readers and audience. This article is a comparison made by the author regarding the structure, layout of layers, acts, opening and ending; character building of the main characters and antagonists; the combination of singing and speaking styles with content values between two variants of tuong “Lam Sanh Xuan Nuong” in the South of Vietnam and in Hue. Based on the results, readers and viewers can see the unique and common interesting characteristics about arts as well as the content of the two texts, providing a more comprehensive view of “Lam Sanh Xuan Nuong” tuong variants.

Keywords: *Lam Sanh Xuan Nuong, Lam Sanh, Xuan Nuong, Southern tuong, Hue tuong*